

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/DS-PT
Ngày: 01-3-2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hội, Hợp
đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 487/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hội, Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 174/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà Từ Thị H1, sinh năm 1958;

2. Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1, ông D: Bà Võ Thị Minh T, sinh năm 1964 (theo Giấy ủy quyền ngày 15/8/2022) (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã C1, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Từ Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Đoàn Thị H trình bày:*

Bà là hội viên, có tham gia các dây hội do bà Từ Thị H1, ông Nguyễn Hùng D làm chủ hội, cụ thể các dây hội như sau:

1. Dây hội khai ngày 15/8/2016 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 2.000.000 đồng, có 24 phần, bà tham gia góp 01 phần, dây hội này bà đã đóng tiền hội sống cho bà H1 đầy đủ là 21 lần, được số tiền 42.000.000 đồng (ký hiệu dây hội 5D).

2. Dây hội khai ngày 01/02/2017 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 23 phần, bà tham gia 01 phần, dây hội này bà đã đóng tiền hội sống cho bà H1 đầy đủ là 19 lần được số tiền 19.000.000 đồng (ký hiệu dây hội 8D).

3. Dây hội khai ngày 10/8/2017 âm lịch, hội mùa 01 năm khai 04 lần, hội 1.000.000 đồng, có 22 phần, bà tham gia 01 phần, dây hội này bà đã đóng tiền hội sống cho bà H1 đầy đủ là 17 lần được số tiền 17.000.000 đồng (ký hiệu dây hội 13D).

4. Dây hội khai ngày 07/11/2017 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 21 phần, bà tham gia 01 phần, dây hội này bà đã đóng tiền hội sống cho bà H1 đầy đủ là 16 lần được số tiền 16.000.000 đồng (ký hiệu dây hội 15D).

5. Dây hội khai ngày 07/11/2017 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 21 phần, bà tham gia 01 phần, dây hội này bà đã đóng tiền hội sống cho bà H1 đầy đủ là 16 lần được số tiền 16.000.000 đồng (ký hiệu dây hội 16D).

6. Dây hội khai ngày 02/02/2018 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 24 phần, bà tham gia 01 phần, dây hội này bà đã đóng tiền hội sống cho bà H1 đầy đủ là 15 lần được số tiền 15.000.000 đồng (ký hiệu dây hội 21D).

7. Dây hội khai ngày 12/5/2018 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 22 phần, bà tham gia 01 phần, dây hội này bà đã đóng tiền hội sống cho bà H1 đầy đủ là 14 lần được số tiền 14.000.000 đồng (ký hiệu dây hội 23D).

8. Dây hội khai ngày 15/4/2020 âm lịch, hội tháng 01 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 27 phần, bà tham gia 01 phần, dây hội này bà đã đóng tiền hội sống cho bà H1 đầy đủ là 19 lần được số tiền 19.000.000 đồng (ký hiệu dây hội 7D).

9. Dây hội khai ngày 15/4/2020 âm lịch, hội tháng 01 tháng khai 01 lần, hội 500.000 đồng, có 27 phần, bà tham gia 01 phần, dây hội này bà đã đóng tiền

hụi sống cho bà H1 đầy đủ là 19 lần được số tiền 9.500.000 đồng (ký hiệu dây hụi 8D).

10. Dây hụi khui ngày 15/5/2020 âm lịch, hụi tháng 01 tháng khui 01 lần, hụi 500.000 đồng, có 27 phần, bà tham gia 01 phần, dây hụi này bà đã đóng tiền hụi sống cho bà H1 đầy đủ là 18 lần được số tiền 9.000.000 đồng (ký hiệu dây hụi 9D).

11. Dây hụi khui ngày 15/11/2020 âm lịch, hụi tháng 01 tháng khui 01 lần, hụi 500.000 đồng, có 27 phần, bà tham gia 01 phần, dây hụi này bà đã đóng tiền hụi sống cho bà H1 đầy đủ là 12 lần được số tiền 6.000.000 đồng (ký hiệu dây hụi 29D).

12. Dây hụi khui ngày 30/3/2020 âm lịch, hụi tháng (01 tháng khui 01 lần), hụi 200.000 đồng, có 27 phần, bà tham gia 01 phần, dây hụi này bà đã đóng tiền hụi sống cho bà H1 đầy đủ là 24 lần được số tiền 4.800.000 đồng (ký hiệu dây hụi 1D).

13. Dây hụi khui ngày 30/3/2020 âm lịch, hụi tháng (01 tháng khui 01 lần), hụi 200.000 đồng, có 27 phần, bà tham gia 01 phần, dây hụi này bà đã đóng tiền hụi sống cho bà H1 đầy đủ là 11 lần được số tiền 2.200.000 đồng (ký hiệu dây hụi 10A).

14. Dây hụi khui ngày 30/02/2021 âm lịch, hụi tháng (01 tháng khui 01 lần), hụi 200.000 đồng, có 27 phần, tham gia 01 phần, dây hụi này bà đã đóng tiền hụi sống cho bà H1 đầy đủ là 08 lần được số tiền là 1.600.000 đồng (ký hiệu dây hụi 15A).

Ngoài ra dây hụi ký hiệu 27C bà H1 còn nợ lại bà số tiền 6.565.000 đồng.

Từ tháng 02/2022 bà H1 tuyên bố bế hụi và không tiếp tục tổ chức khui hụi nữa, cũng không trả lại số tiền hụi cho các hụi viên như lời hứa ban đầu lúc giao kết chơi hụi. Bà H1 có thỏa thuận là bà hưởng hoa hồng từ hụi viên hốt được hụi khi tới kỳ hốt hụi, nên khi các hụi viên khác trong dây hụi không đóng hụi nổi thì bà H1 sẽ đứng ra trả số tiền đó cho các hụi viên tới lượt hốt. Thế nhưng các hụi viên khác vẫn đóng hụi đầy đủ cho bà H1, nhưng bà H1 chiếm dụng tiền hụi mà không chịu trả tiền hụi lại cho bà.

Đồng thời vào ngày 07/8/2020 bà H1, ông D có mượn của bà số tiền 20.000.000 đồng; ngày 07/10/2020 bà H1, ông D mượn tiếp số tiền 15.000.000 đồng; ngày 07/3/2021 bà H1, ông D mượn tiếp số tiền 20.000.000 đồng; tổng số tiền mượn là 55.000.000 đồng. Đến ngày 26/4/2022 bà H1, ông D có trả cho bà được 5.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 50.000.000 đồng. Khi mượn bà H1, ông D có viết biên nhận cho bà. Nay bà yêu cầu bà H1, ông D phải trả cho bà số tiền mượn là 50.000.000 đồng và tiền nợ hụi là 197.665.000 đồng, tổng cộng là 247.665.000 đồng, yêu cầu trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà không đồng ý theo yêu cầu xin trả vốn và trả nợ dần của bị đơn.

** Bị đơn bà Từ Thị H1, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hùng D trình bày:*

Bà là chủ hội, bà H có tham gia các dây hội do bà làm chủ hội như sau:

1. Dây hội khui ngày 15/8/2016 âm lịch, hội mùa 03 tháng khui 01 lần, hội 2.000.000 đồng, có 24 phần, bà H có tham gia 01 phần, dây hội này bà H đã đóng tiền hội sống cho bà đầy đủ là 21 lần, nay bà đồng ý trả tiền hội vốn là 26.590.000 đồng (dây 5D).

2. Dây hội khui ngày 01/02/2017 âm lịch, hội mùa 03 tháng khui 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 23 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hội này bà H đóng tiền hội sống cho bà đầy đủ được 19 lần, nay bà đồng ý trả tiền hội vốn của dây hội này là 10.360.000 đồng (dây 8D).

3. Dây hội khui ngày 10/8/2017 âm lịch, hội mùa 01 năm khui 04 lần, hội 1.000.000 đồng, có 22 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hội này bà H đóng tiền hội sống cho bà đầy đủ được 17 lần, bà đồng ý trả tiền hội vốn là 9.040.000 đồng (dây 13D).

4. Dây hội khui ngày 07/11/2017 âm lịch, hội mùa 03 tháng khui 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 21 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hội này bà H đã đóng tiền hội sống cho bà đầy đủ được 16 lần, bà đồng ý trả số tiền hội vốn là 8.370.000 đồng (dây 15D).

5. Dây hội khui ngày 07/11/2017 âm lịch, hội mùa 03 tháng khui 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 21 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hội này bà H đã đóng tiền hội sống cho bà đầy đủ được 16 lần, bà yêu cầu được trả số tiền hội vốn là 8.335.000 đồng (dây 16D).

6. Dây hội khui ngày 02/02/2018 âm lịch, hội mùa 03 tháng khui 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 24 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hội này bà H đã đóng tiền hội sống cho bà đầy đủ được 15 lần, bà yêu cầu được trả số tiền hội vốn là 7.990.000 đồng (dây 21D).

7. Dây hội khui ngày 12/5/2018 âm lịch, hội mùa 03 tháng khui 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 22 phần, bà H có tham gia 01 phần, dây hội này bà H đã đóng tiền hội sống cho bà đầy đủ được 14 lần, bà yêu cầu được trả số tiền hội vốn là 7.270.000 đồng (dây 23D).

8. Dây hội khui ngày 15/4/2020 âm lịch, hội tháng 01 tháng khui 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 27 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hội này bà H đã đóng tiền hội sống cho bà đầy đủ được 19 lần, bà yêu cầu được trả tiền hội vốn là 14.340.000 đồng (dây 7D).

9. Dây hội khui ngày 15/4/2020 âm lịch, hội tháng 01 tháng khui 01 lần, hội 500.000 đồng, có 27 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hội này bà H đóng tiền hội sống cho bà đầy đủ được 19 lần, bà yêu cầu được trả số tiền hội vốn là 6.865.000 đồng (dây 8D).

10. Dây hụi khui ngày 15/5/2020 âm lịch, hụi tháng 01 tháng khui 01 lần, hụi 500.000 đồng, có 27 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hụi này bà H đóng tiền hụi sống cho bà đầy đủ được 18 lần, bà yêu cầu được trả số tiền hụi vốn là 6.455.000 đồng (dây 9D).

11. Dây hụi khui ngày 15/11/2020 âm lịch, hụi tháng 01 tháng khui 01 lần, hụi 500.000 đồng, có 27 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hụi này bà H đóng tiền hụi sống cho bà đầy đủ được 12 lần, bà yêu cầu được trả tiền hụi vốn là 3.850.000 đồng (dây 29D).

12. Dây hụi khui ngày 30/3/2020 âm lịch, hụi tháng 01 tháng khui 01 lần, hụi 200.000 đồng, có 27 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hụi này bà H đóng tiền hụi sống cho bà đầy đủ được 24 lần, bà yêu cầu được trả tiền hụi vốn là 3.465.000 đồng (dây 1D).

13. Dây hụi khui ngày 30/3/2020 âm lịch, hụi tháng 01 tháng khui 01 lần, hụi 200.000 đồng, có 27 phần, bà H có tham gia 01 phần, dây hụi này bà H đóng tiền hụi sống cho bà đầy đủ được 11 lần, bà yêu cầu được trả tiền hụi vốn là 1.590.000 đồng (dây 10A).

14. Dây hụi khui ngày 30/02/2021 âm lịch, hụi tháng 01 tháng khui 01 lần, hụi 200.000 đồng, có 27 phần, bà H tham gia 01 phần, dây hụi này bà H đóng tiền hụi sống cho bà đầy đủ được 08 lần, bà yêu cầu được trả tiền hụi vốn là 1.185.000 đồng (dây 15A).

Dây hụi 27C bà còn nợ lại bà H số tiền 6.565.000 đồng. Ngoài ra bà có mượn bà H số tiền 50.000.000 đồng, nay bà đồng ý trả cho bà H số tiền mượn là 50.000.000 đồng và số tiền 6.565.000 đồng của dây hụi 27C. Đối với số tiền nợ hụi bà yêu cầu được trả số tiền hụi vốn của 14 dây hụi tổng cộng là 115.705.000 đồng. Tổng cộng bà đồng ý trả cho bà H số tiền là 172.270.000 đồng, xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, yêu cầu được trả từ ngày 01/10/2022, thực hiện trả dần cho đến khi hết số tiền 172.270.000 đồng.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 174/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị H.

Buộc bà Từ Thị H1, ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đoàn Thị H số tiền nợ hụi là 197.665.000 đồng và tiền nợ vay là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 247.665.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy

triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 20/9/2022, bị đơn bà Từ Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng cho bà được trả tiền hội vốn là 172.270.000 đồng, xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết 172.270.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về tố tụng: Bà Từ Thị H1 nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn bà Từ Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng cho bà được trả tiền hội vốn là 172.270.000 đồng, xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết 172.270.000 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà H1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà Đoàn Thị H và các bị đơn bà Từ Thị H1, ông Nguyễn Hùng D thống nhất: Bà H tham gia 15 dây hội ký hiệu số 5D, 8D, 13D, 15D, 16D, 21D, 23D, 7D, 8D, 9D, 29D, 1D, 10A, 15A và 27C do bà H1, ông D làm chủ thảo, đồng thời thống nhất số lần góp hội của bà H đối với 15 dây hội này; các dây hội đều là hội có lãi (góp hội sống được hưởng tiền hội chết); bà Từ Thị H1 cam kết chịu trách nhiệm đi gom tiền của các hội viên chưa hốt hội (hội sống) và choàng tiền hội cho các hội viên chậm góp hội (hội chết) nếu những

người này chậm thực hiện nghĩa vụ đóng hội để giao tiền cho hội viên hốt hội và nhận tiền hoa hồng của dây hội theo thỏa thuận; thống nhất số tiền nợ của dây hội ký hiệu 27C là 6.565.000 đồng và số tiền nợ vay 50.000.000 đồng. Đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Theo điểm b khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường thì các thành viên trong dây hội có nghĩa vụ trả lãi cho các thành viên chưa lĩnh hội khi được lĩnh hội. Như vậy, thực tế, tiền lãi mà các thành viên trong dây hội được nhận là do thành viên lĩnh hội trả, không phải do chủ thảo chi trả. Tuy nhiên, khi có thành viên không góp phần hội của họ khi đến kỳ mở hội thì trách nhiệm của chủ thảo là nộp thay phần hội của thành viên này theo quy định tại khoản 4 Điều 18 và Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

Mặt khác, bà H1 và ông D thừa nhận các dây hội là hội có lãi, giữa ông bà và các hội viên có thỏa thuận “góp hội sống được hưởng tiền hội chết”. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/8/2022, bà H1 cũng thừa nhận bà có thỏa thuận với các hội viên là ai kêu hốt được hội thì bà phải trả tiền hội vốn và tiền lãi cho người hốt hội và người hốt hội phải trả cho bà số tiền huê hồng, nay do bà bị nhiều người giật tiền hội nên không có khả năng trả vốn và lãi, bà có xin các hội viên cho bà được hoàn trả vốn, không trả lãi (bút lục 52).

Bà H1 cho rằng giữa bà và các các hội viên có thỏa thuận chỉ trả vốn nhưng không được phía bà H xác nhận, bà H1 cũng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét đề nghị trả vốn của bà H1.

Bà H1 và ông D tổ chức các dây hội nhưng không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú theo quy định tại Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông bà trả lãi theo thỏa thuận giữa các bên là phù hợp. Thực tế, việc tính lại lãi suất chênh lệch không nhiều so với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi lẽ các dây hội đã bắt đầu khai từ năm 2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị Minh T là người đại diện theo ủy quyền của bà H1 và ông D trình bày bà H1 và ông D đồng ý trả lãi nhưng yêu cầu được trả sau khi trả vốn xong cho các hội viên, cụ thể: Hiện nay, vẫn còn một số hội viên góp hội nhưng bà H1 và ông D không nhận mà đợi làm thủ tục khởi kiện tại Tòa án, sau khi hoàn tất thủ tục khởi kiện, bà H1 và ông D sẽ sử dụng số tiền nhận được để chi trả các khoản nợ cho các hội viên, sau khi hoàn tất việc trả vốn, ông bà sẽ tiếp tục chi trả tiền lãi. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử phúc thẩm, bà H1 và ông D vẫn chưa tiến hành thủ tục khởi kiện những người nợ hội; hơn nữa, yêu cầu này của bà H1 và ông D cũng không được phía bà H chấp nhận; do đó, không có cơ sở xem xét yêu cầu này của bà H1 và ông D.

Từ những phân tích trên, xét thấy bà Từ Thị H1 và ông Nguyễn Hùng D là chủ thảo các dây hội, việc ngưng hội hoàn toàn là lỗi của bà H1 và ông D, hơn nữa dù ngưng hội nhưng bà H1 và ông D vẫn được trả hoa hồng, do đó bà H1 và

ông D có trách nhiệm hoàn trả số tiền hui (có lãi) mà bà H được hưởng trong các dây hui mà bà H đã tham gia, tương ứng với số phần hui mà bà H đã góp.

[2.3] Bà H1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên yêu cầu kháng cáo của bà không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các nội dung, quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà H1 không được chấp nhận nên bà H1 phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bà H1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí phúc thẩm cho bà H1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 174/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị H.

Buộc bà Từ Thị H1, ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đoàn Thị H số tiền nợ hui là 197.665.000 đồng và tiền nợ vay là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 247.665.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Đoàn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Từ Thị H1, ông Nguyễn Hùng D chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H1, ông D.

Hoàn lại bà Đoàn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.191.000 đồng theo biên lai thu số 0016539 ngày 02/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà H1.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong